**Câu** **hỏi 1: Phần** **của** **đường** **bộ** **được** **sử** **dụng** **cho** **các** **phương** **tiện** **giao** **thông qua lại** **là** **gì?**

1. Phần mặt đường và lề đường.
2. Phần đường xe chạy.
3. Phần đường xe cơ giới.

*Giải thích: Phần đường xe chạy là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông qua lại.*

**Câu** **hỏi 2: “Làn** **đường” là** **gì?**

1. Là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, sử dụng cho xe chạy.
2. Là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có bề rộng đủ cho xe chạy an toàn.
3. Là đường cho xe ô tô chạy, dừng, đỗ an toàn.

*Giải thích: Làn đường có bề rộng đủ cho xe chạy an toàn.*

**Câu** **hỏi** **3: Trong** **các** **khái** **niệm** **dưới** **đây, “dải** **phân** **cách” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Là bộ phận của đường để ngăn cách không cho các loại xe vào những nơi không được phép.
2. Là bộ phận của đường để phân tách phần đường xe chạy và hành lang an toàn giao thông.
3. Là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ.

*Giải thích: Dải phân cách phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt.*

**Câu** **hỏi** **4: “Dải** **phân** **cách” trên** **đường** **bộ** **gồm** **những** **loại** **nào?**

1. Dải phân cách gồm loại cố định và loại di động.
2. Dải phân cách gồm tường chống ồn, hộ lan cứng và hộ lan mềm.
3. Dải phân cách gồm giá long môn và biển báo hiệu đường bộ.

*Giải thích: Dải phân cách gồm cố định và di động.*

**Câu** **hỏi** **5: Người** **lái** **xe** **được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **trong** **các** **khái** **niệm** **dưới** **đây?**

1. Là người điều khiển xe cơ giới.
2. Là người điều khiển xe thô sơ.
3. Là người điều khiển xe có súc vật kéo.

*Giải thích: Người lái xe là người điều khiển xe cơ giới.*

**Câu** **hỏi** **6: Đường** **mà** **trên** **đó** **phương** **tiện** **tham** **gia** **giao** **thông** **được** **các** **phương** **tiện** **giao** **thông** **đến** **từ** **các** **hướng** **khác** **nhường** **đường** **khi qua nơi** **đường** **giao** **nhau, được** **cắm** **biển** **báo** **hiệu** **đường** **ưu** **tiên** **là** **loại** **đường** **gì?**

1. Đường không ưu tiên
2. Đường tỉnh lộ.
3. Đường quốc lộ.
4. Đường ưu tiên.

*Giải thích: Đường ưu tiên được nhường đường khi qua nơi giao nhau.*

**Câu** **hỏi** **7: Khái** **niệm “phương** **tiện** **giao** **thông** **cơ** **giới** **đường** **bộ” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Gồm xe ô tô; máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy; xe cơ giới dùng cho người khuyết tật và xe máy chuyên dùng.
2. Gồm ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.

*Giải thích: Phương tiện giao thông cơ giới không có xe máy chuyên dùng.*

**Câu** **hỏi** **8: Khái** **niệm “phương** **tiện** **giao** **thông** **thô** **sơ** **đường** **bộ” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Gồm xe đạp (kể cả xe đạp máy, xe đạp điện), xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.
2. Gồm xe đạp (kể cả xe đạp máy, xe đạp điện), xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người khuyết tật và xe máy chuyên dùng.
3. Gồm xe ô tô, máy kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo.

*Giải thích: Phương tiện giao thông thô sơ không có xe máy chuyên dùng; xe ô tô.*

**Câu** **hỏi** **9: “Phương** **tiện** **tham** **gia** **giao** **thông** **đường** **bộ” gồm** **những** **loại** **nào?**

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2. Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.
3. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Phương tiện giao thông gồm tất cả các loại phương tiện.*

**Câu** **hỏi** **10: “Người** **tham** **gia** **giao** **thông** **đường** **bộ” gồm** **những** **đối** **tượng** **nào?**

1. Người điều khiển, người sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ.
2. Người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.
3. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Người tham gia giao thông gồm người sử dụng phương tiện và người đi bộ.*

**Câu** **hỏi** **11: “Người** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **tham** **gia** **giao** **thông** **đường** **bộ” gồm** **những** **đối** **tượng** **nào** **dưới** **đây?**

1. Người điều khiển xe cơ giới, người điều khiển xe thô sơ.
2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.
3. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Người điều khiển phương tiện gồm cả xe cơ giới và xe máy chuyên dùng.*

**Câu** **hỏi** **12: Khái** **niệm “người** **điều** **khiển** **giao** **thông” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Là người điều khiển phương tiện tham gia giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.
2. Là cảnh sát giao thông, người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.
3. Là người tham gia giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.

*Giải thích: Người điều khiển giao thông là cảnh sát giao thông.*

**Câu** **hỏi** **13: Trong** **các** **khái** **niệm** **dưới** **đây** **khái** **niệm “dừng** **xe” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.
2. Là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.
3. Là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian giữa 02 lần vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách.

*Giải thích: Dừng xe là đứng yên tạm thời.*

**Câu** **hỏi** **14: Khái** **niệm “đỗ** **xe” được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông có thời hạn trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.
2. Là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

*Giải thích: Đỗ xe là đứng yên không giới hạn thời gian.*

**Câu** **hỏi** **liệt 15: Cuộc** **đua** **xe** **chỉ** **được** **thực** **hiện** **khi** **nào?**

1. Diễn ra trên đường phố không có người qua lại.
2. Được người dân ủng hộ.
3. Được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

*Giải thích: Cuộc đua xe cần cấp phép.*

**Câu** **hỏi** **liệt 16: Người** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **giao** **thông** **đường** **bộ** **mà** **trong** **cơ** **thể** **có** **chất ma túy** **có** **bị** **nghiêm** **cấm hay không?**

1. Bị nghiêm cấm.
2. Không bị nghiêm cấm.
3. Không bị nghiêm cấm, nếu có chất ma túy ở mức nhẹ, có thể điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

*Giải thích: Có ma tuý bị nghiêm cấm.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **17: Sử** **dụng** **rượu, bia** **khi** **lái** **xe, nếu** **bị** **phát** **hiện** **thì** **bị** **xử** **lý** **như** **thế** **nào?**

1. Chỉ bị nhắc nhở.
2. Bị xử phạt hành chính hoặc có thể bị xử lý hình sự tùy theo mức độ vi phạm.
3. Không bị xử lý hình sự.

*Giải thích: Sử dụng rượu, bia khi lái xe bị phạt hành chính hoặc xử lý hình sự.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **18: Theo luật** **phòng** **chống** **tác** **hại** **của** **rượu, bia, đối** **tượng** **nào** **dưới** **đây** **bị** **cấm** **sử** **dụng** **rượu, bia** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông?**

1. Người điều khiển: Xe ô tô, xe mô tô, xe đạp, xe gắn máy.
2. Người ngồi phía sau người điều khiển xe cơ giới.
3. Người đi bộ.
4. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Người điều khiển bị cấm sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **19: Hành vi điều** **khiển** **xe** **cơ** **giới** **chạy** **quá** **tốc** **độ** **quy** **định, giành** **đường, vượt** **ẩu** **có** **bị** **nghiêm** **cấm hay không?**

1. Bị nghiêm cấm tùy trường hợp.
2. Không bị nghiêm cấm.
3. Bị nghiêm cấm.

**Câu** **hỏi** **20: Khi** **lái** **xe** **trong** **khu** **đô** **thị** **và** **đông** **dân** **cư** **trừ** **các** **khu** **vực** **có** **biển** **cấm** **sử** **dụng** **còi, người** **lái** **xe** **được** **sử** **dụng** **còi** **như** **thế** **nào** **trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây?**

1. Từ 22 giờ đêm đến 5 giờ sáng.
2. Từ 5 giờ sáng đến 22 giờ tối.
3. Từ 23 giờ đêm đến 5 giờ sáng hôm sau.

*Giải thích: Chỉ sử dụng còi từ 5 giời sáng đến 22 giờ tối.*

**Câu** **hỏi** **21: Người** **lái** **xe** **sử** **dụng** **đèn** **như** **thế** **nào** **khi** **lái** **xe** **trong** **khu** **đô** **thị** **và** **đông** **dân** **cư** **vào ban đêm?**

1. Bất cứ đèn nào miễn là mắt nhìn rõ phía trước.
2. Chỉ bật đèn chiếu xa (đèn pha) khi không nhìn rõ đường.
3. Đèn chiếu xa (đèn pha) khi đường vắng, đèn pha chiếu gần (đèn cốt) khi có xe đi ngược chiều.
4. Đèn chiếu gần (đèn cốt).

*Giải thích: Trong đô thị sử dụng đèn chiếu gần.*

**Câu** **hỏi** **22: Trong** **trường** **hợp** **đặc** **biệt, để** **được** **lắp** **đặt, sử** **dụng** **còi, đèn** **không** **đúng** **với** **thiết** **kế** **của** **nhà** **sản** **xuất** **đối** **với** **từng** **loại** **xe** **cơ** **giới** **bạn** **phải** **đảm** **bảo** **yêu** **cầu** **nào** **dưới** **đây?**

1. Phải đảm bảo phụ tùng do đúng nhà sản xuất đó cung cấp.
2. Phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.
3. Phải là xe đăng ký và hoạt động tại các khu vực có địa hình phức tạp.

*Giải thích: Lắp đặt còi đèn không đúng thiết kế phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **23: Ở phần** **đường** **dành** **cho** **người** **đi** **bộ qua đường, trên** **cầu, đầu** **cầu, đường** **cao** **tốc, đường** **hẹp, đường** **dốc, tại** **nơi** **đường** **bộ** **giao** **nhau** **cùng** **mức** **với** **đường** **sắt** **có** **được quay đầu** **xe hay không?**

1. Được phép.
2. Không được phép.
3. Tùy từng trường hợp.

*Giải thích: Không được phép quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường.*

**Câu** **hỏi** **24: Bạn** **đang** **lái** **xe** **phía** **trước** **có** **một** **xe** **cảnh** **sát** **giao** **thông** **không** **phát** **tín** **hiệu** **ưu** **tiên** **bạn** **có** **được** **phép** **vượt hay không?**

1. Không được vượt.
2. Được vượt khi đang đi trên cầu.
3. Được phép vượt khi đi qua nơi giao nhau có ít phương tiện cùng tham gia giao thông.
4. Được vượt khi đảm bảo an toàn.

*Giải thích: Được vượt khi xe không phát tín hiệu ưu tiên.*

**Câu** **hỏi** **25: Bạn** **đang** **lái** **xe** **phía** **trước** **có** **một** **xe** **cứu** **thương** **đang** **phát** **tín** **hiệu** **ưu** **tiên** **bạn** **có** **được** **phép** **vượt hay không?**

1. Không được vượt.
2. Được vượt khi đang đi trên cầu.
3. Được phép vượt khi đi qua nơi giao nhau có ít phương tiện cùng tham gia giao thông.
4. Được vượt khi đảm bảo an toàn.

*Giải thích: Không được vượt khi đang phát tín hiệu ưu tiên.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **26: Người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, ba** **bánh, xe** **gắn** **máy** **có** **được** **phép** **sử** **dụng** **xe** **để** **kéo** **hoặc** **đẩy** **các** **phương** **tiện** **khác** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông** **không?**

1. Được phép.
2. Nếu phương tiện được kéo, đẩy có khối lượng nhỏ hơn phương tiện của mình.
3. Tùy trường hợp.
4. Không được phép.

**Câu** **hỏi** **liệt** **27: Khi** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh, xe** **gắn** **máy, những** **hành vi buông** **cả** **hai** **tay; sử** **dụng** **xe** **để** **kéo, đẩy** **xe** **khác, vật** **khác; sử** **dụng** **chân** **chống** **của** **xe** **quệt** **xuống** **đường** **khi** **xe** **đang** **chạy** **có** **được** **phép hay không?**

1. Được phép.
2. Tùy trường hợp.
3. Không được phép.

**Câu** **hỏi** **liệt** **28: Khi** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh, xe** **gắn** **máy, những** **hành vi nào** **không** **được** **phép?**

1. Buông cả hai tay; sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác; sử dụng chân chống của xe quệt xuống đường khi xe đang chạy.
2. Buông một tay; sử dụng xe để chở người hoặc hàng hóa; để chân chạm xuống đất khi khởi hành.
3. Đội mũ bảo hiểm; chạy xe đúng tốc độ quy định và chấp hành đúng quy tắc giao thông đường bộ.
4. Chở người ngồi sau dưới 16 tuổi.

**Câu** **hỏi** **liệt** **29: Người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh, xe** **gắn** **máy** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông** **có** **được** **mang, vác** **vật** **cồng** **kềnh hay không?**

1. Được mang, vác tùy trường hợp cụ thể.
2. Không được mang, vác.
3. Được mang, vác nhưng phải đảm bảo an toàn.
4. Được mang, vác tùy theo sức khỏe của bản thân.

*Giải thích: Xe mô tô không được mang vác vật cồng kềnh.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **30: Người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh, xe** **gắn** **máy** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông** **có** **được** **bám, kéo** **hoặc** **đẩy** **các** **phương** **tiện** **khác** **không?**

1. Được phép.
2. Được bám trong trường hợp phương tiện của mình bị hỏng.
3. Được kéo, đẩy trong trường hợp phương tiện khác bị hỏng.
4. Không được phép.

*Giải thích: Xe mô tô không được kéo xe khác.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **31: Người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh, xe** **gắn** **máy** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông** **có** **được** **sử** **dụng ô khi** **trời** **mưa hay không?**

1. Được sử dụng.
2. Chỉ người ngồi sau được sử dụng.
3. Không được sử dụng.
4. Được sử dụng nếu không có áo mưa.

*Giải thích: Không được sử dụng ô.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **32: Khi** **đang** **lên** **dốc** **người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô** **có** **được** **kéo** **theo** **người** **đang** **điều** **khiển** **xe** **đạp hay không?**

1. Chỉ được phép nếu cả hai đội mũ bảo hiểm.
2. Không được phép.
3. Chỉ được thực hiện trên đường thật vắng.
4. Chỉ được phép khi người đi xe đạp đã quá mệt.

*Giải thích: Xe mô tô không được kéo xe khác.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **33: Hành vi sử** **dụng** **xe** **mô** **tô** **để** **kéo, đẩy** **xe** **mô** **tô** **khác** **bị** **hết** **xăng** **đến** **trạm** **mua** **xăng** **có** **được** **phép hay không?**

1. Chỉ được kéo nếu đã nhìn thấy trạm xăng.
2. Chỉ được thực hiện trên đường vắng phương tiện cùng tham gia giao thông.
3. Không được phép.

*Giải thích: Xe mô tô không được kéo xe khác.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **34: Hành vi vận** **chuyển** **đồ** **vật** **cồng** **kềnh** **bằng** **xe** **mô** **tô, xe** **gắn** **máy** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông** **có** **được** **phép hay không?**

1. Không được vận chuyển.
2. Chỉ được vận chuyển khi đã chằng buộc cẩn thận.
3. Chỉ được vận chuyển vật cồng kềnh trên xe máy nếu khoảng cách về nhà ngắn hơn 2 km.

*Giải thích: Xe mô tô không được mang vác vật cồng kềnh.*

**Câu** **hỏi** **35: Người** **đủ** **bao** **nhiêu** **tuổi** **trở** **lên** **thì** **được** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **mô** **tô** **ba** **bánh** **có dung tích xi lanh** **từ 50 cm3 trở** **lên** **và** **các** **loại** **xe** **có** **kết** **cấu** **tương** **tự; xe ô tô** **tải, máy** **kéo** **có** **trọng** **tải** **dưới 3,5 tấn; xe ô tô** **chở** **người** **đến 9 chỗ** **ngồi?**

1. 16 tuổi.
2. 18 tuổi.
3. 17 tuổi.

*Giải thích: Độ tuổi lấy bằng theo hạng (cách nhau 3 tuổi): 16: Xe dưới 50cm3; 18: Hạng A, B1, B2; 21: Hạng C, FB; 24: Hạng D, FC; 27: Hạng E, FD.*

**Câu** **hỏi** **36: Người** **đủ 16 tuổi** **được** **điều** **khiển** **các** **loại** **xe** **nào** **dưới** **đây?**

1. Xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm3 trở lên.
2. Xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50 cm3.
3. Xe ô tô tải dưới 3,5 tấn; xe chở người đến 9 chỗ ngồi.
4. Tất cả các ý nêu trên.

*Giải thích: Độ tuổi lấy bằng theo hạng (cách nhau 3 tuổi): 16: Xe dưới 50cm3; 18: Hạng A, B1, B2; 21: Hạng C, FB; 24: Hạng D, FC; 27: Hạng E, FD.*

**Câu** **hỏi** **37: Người** **có** **giấy** **phép** **lái** **xe** **mô** **tô** **hạng A1 không** **được** **phép** **điều** **khiển** **loại** **xe** **nào** **dưới** **đây?**

1. Xe mô tô có dung tích xi lanh 125 cm3.
2. Xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm3 trở lên.
3. Xe mô tô có dung tích xi lanh 100 cm3.

*Giải thích: A1 mô tô dưới 175cm3 và xe 3 bánh của người khuyết tật; A2 mô tô 175cm3 trở lên; A3 xe 3 bánh.*

**Câu** **hỏi** **43: Khi** **sử** **dụng** **giấy** **phép** **lái** **xe** **đã** **khai** **báo** **mất** **để** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **cơ** **giới** **đường** **bộ, ngoài** **việc** **bị** **thu** **hồi** **giấy** **phép** **lái** **xe, chịu** **trách** **nhiệm** **trước** **pháp** **luật, người** **lái** **xe** **không** **được** **cấp** **giấy** **phép** **lái** **xe** **trong** **thời** **gian** **bao** **nhiêu** **năm?**

1. 02 năm.
2. 03 năm.
3. 05 năm.
4. 04 năm.

*Giải thích: 05 năm không cấp lại nếu sử dụng bằng lái đã khai báo mất.*

*Giải thích: Người điều khiển giao thông tay giang ngang thì trước mặt và sau lưng dừng lại.*

**Câu** **hỏi** **46: Tại** **nơi** **có** **biển** **báo** **hiệu** **cố** **định** **lại** **có** **báo** **hiệu** **tạm** **thời** **thì** **người** **tham** **gia** **giao** **thông** **phải** **chấp** **hành** **hiệu** **lệnh** **của** **báo** **hiệu** **nào?**

1. Biển báo hiệu cố định.
2. Báo hiệu tạm thời.

*Giải thích: ưu tiên biển báo tạm thời.*

**Câu** **hỏi** **47: Trên** **đường** **có** **nhiều** **làn** **đường** **cho** **xe** **đi** **cùng** **chiều** **được** **phân** **biệt** **bằng** **vạch** **kẻ** **phân** **làn** **đường, người** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **phải** **cho** **xe** **đi** **như** **thế** **nào?**

1. Cho xe đi trên bất kỳ làn đường nào hoặc giữa hai làn đường nếu không có xe phía trước; khi cần thiết phải chuyển làn đường, người lái xe phải quan sát xe phía trước để bảo đảm an toàn.
2. Phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn phải có tín hiệu báo trước và phải bảo đảm an toàn.
3. Phải cho xe đi trong một làn đường, khi cần thiết phải chuyển làn đường, người lái xe phải quan sát xe phía trước để bảo đảm an toàn.

*Giải thích: Chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước.*

**Câu** **hỏi** **48: Trên** **đường** **một** **chiều** **có** **vạch** **kẻ** **phân** **làn** **đường, xe** **thô** **sơ** **và** **xe** **cơ** **giới** **phải** **đi** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Xe thô sơ phải đi trên làn đường bên trái ngoài cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên phải.
2. Xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.
3. Xe thô sơ đi trên làn đường phù hợp không gây cản trở giao thông, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên phải.

*Giải thích: Xe thô sơ phải đi làn đường bên phải trong cùng.*

**Câu** **hỏi** **49: Bạn** **đang** **lái** **xe** **trong** **khu** **vực** **đô** **thi** **từ 22 giờ** **đến 5 giờ** **sáng** **hôm** **sau** **và** **cần** **vượt** **một** **xe** **khác, bạn** **cần** **báo** **hiệu** **như** **thế** **nào** **để** **đảm** **bảo an toàn** **giao** **thông?**

1. Phải báo hiệu bằng đèn hoặc còi.
2. Chỉ được báo hiệu bằng còi.
3. Phải báo hiệu bằng cả còi và đèn.
4. Chỉ báo hiệu bằng đèn.

*Giải thích: Chỉ sử dụng còi từ 5 giờ sáng đến 22 giờ tối. Nên phải sử dụng đèn để báo hiệu.*

**Câu** **hỏi** **50: Khi** **điều** **khiển** **xe** **chạy** **trên** **đường** **biết** **có** **xe** **sau** **xin** **vượt** **nếu** **đủ** **điều** **kiện an toàn** **người** **lái** **xe** **phải** **làm** **gì?**

1. Tăng tốc độ và ra hiệu cho xe sau vượt, không được gây trở ngại cho xe sau vượt.
2. Người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại cho xe sau vượt.
3. Cho xe tránh về bên trái mình và ra hiệu cho xe sau vượt; nếu có chướng ngại vật phía trước hoặc thiếu điều kiện an toàn chưa cho vượt được phải ra hiệu cho xe sau biết; cấm gây trở ngại cho xe xin vượt.

**Câu** **hỏi** **51: Khi** **muốn** **chuyển** **hướng, người** **lái** **xe** **phải** **thực** **hiện** **như** **thế** **nào** **để** **đảm** **bảo an toàn** **giao** **thông?**

1. Quan sát gương, ra tín hiệu, quan sát an toàn và chuyển hướng.
2. Quan sát gương, giảm tốc độ, ra tín hiệu chuyển hướng, quan sát an toàn và chuyển hướng.
3. Quan sát gương, tăng tốc độ, ra tín hiệu và chuyển hướng.

*Giải thích: Chuyển hướng phải giảm tốc độ.*

**Câu** **hỏi** **52: Khi** **tránh** **xe** **đi** **ngược** **chiều, các** **xe** **phải** **nhường** **đường** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe kia đi.
2. Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe đang lên dốc; xe nào có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật đi trước.
3. Xe lên dốc phải nhường đường cho xe xuống dốc; xe nào không có chướng ngại vật đi phía trước phải nhường đường cho xe có chướng ngại vật đi trước.
4. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Tránh xe ngược chiều thì nhường đường qua đường hẹp và nhường xe lên dốc.*

**Câu** **hỏi** **53: Bạn** **đang** **lái** **xe** **trên** **đường** **hẹp, xuống** **dốc** **và** **gặp** **một** **xe** **đang** **đi** **lên** **dốc, bạn** **cần** **làm** **gì?**

1. Tiếp tục đi vì xe lên dốc phải nhường đường cho mình.
2. Nhường đường cho xe lên dốc.
3. Chỉ nhường đường khi xe lên dốc nháy đèn.

*Giải thích: Nhường đường cho xe lên dốc.*

**Câu** **hỏi** **54: Tại** **nơi** **đường** **giao** **nhau, người** **lái** **xe** **đang** **đi** **trên** **đường** **không** **ưu** **tiên** **phải** **nhường** **đường** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Nhường đường cho xe đi ở bên phải mình tới.
2. Nhường đường cho xe đi ở bên trái mình tới.
3. Nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

*Giải thích: Đường không ưu tiên nhường đường cho xe trên đường ưu tiên.*

**Câu** **hỏi** **55: Tại** **nơi** **đường** **giao** **nhau** **không** **có** **báo** **hiệu** **đi** **theo** **vòng** **xuyến, người** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **phải** **nhường** **đường** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải.
2. Xe báo hiệu xin đường trước xe đó được đi trước.
3. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái.

*Giải thích: Giao nhau không có vòng xuyến thì nhường xe đến từ bên phải.*

**Câu** **hỏi** **56: Tại** **nơi** **đường** **bộ** **giao** **nhau** **cùng** **mức** **với** **đường** **sắt** **chỉ** **có** **đèn** **tín** **hiệu** **hoặc** **chuông** **báo** **hiệu, khi** **đèn** **tín** **hiệu** **màu** **đỏ** **đã** **bật** **sáng** **hoặc** **có** **tiếng** **chuông** **báo** **hiệu, người** **tham** **gia** **giao** **thông** **phải** **dừng** **lại** **ngay** **và** **giữ** **khoảng** **cách** **tối** **thiểu** **bao** **nhiêu** **mét** **tính** **từ ray gần** **nhất?**

1. 5 mét.
2. 3 mét.
3. 4 mét.

*Giải thích: Đứng cách ray đường sắt 5m.*

**Câu** **hỏi** **57: Người** **điều** **khiển** **phương** **tiện** **tham** **gia** **giao** **thông** **trong** **hầm** **đường** **bộ** **ngoài** **việc** **phải** **tuân** **thủ** **các** **quy** **tắc** **giao** **thông** **còn** **phải** **thực** **hiện** **những** **quy** **định** **nào** **dưới** **đây?**

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu; chỉ được dùng xe, đỗ xe ở nơi quy định.
2. Xe cơ giới phải bật đèn ngay cả khi đường hầm sáng; phải cho xe chạy trên một làn đường và chỉ chuyển làn ở nơi được phép; được quay đầu xe, lùi xe khi cần thiết.
3. Xe máy chuyên dùng phải bật đèn ngay cả khi đường hầm sáng; phải cho xe chạy trên một làn đường và chỉ chuyển làn ở nơi được phép; được quay đầu xe, lùi xe khi cần thiết.

*Giải thích: Trong hầm chỉ đường dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **58: Người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô 2 bánh, xe** **gắn** **máy** **phải** **đội** **mũ** **bảo** **hiểm** **có** **cài** **quai** **đúng** **quy** **cách** **khi** **nào?**

1. Khi tham gia giao thông đường bộ.
2. Chỉ khi đi trên đường chuyên dùng; đường cao tốc.
3. Khi tham gia giao thông trên đường tỉnh lộ hoặc quốc lộ.

**Câu** **hỏi** **59: Người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **gắn** **máy** **được** **phép** **chở** **tối** **đa 2 người** **trong** **những** **trường** **hợp** **nào?**

1. Chở người bệnh đi cấp cứu; trẻ em dưới 14 tuổi.
2. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.
3. Cả ý 1 và ý 2.

**Câu** **hỏi** **60: Người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **gắn** **máy** **không** **được** **thực** **hiện** **những** **hành vi nào** **dưới** **đây?**

1. Đi vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính), đi xe dàn hàng ngang.
2. Chở 02 người; trong đó, có người bị bệnh đi cấp cứu hoặc trẻ em dưới 14 tuổi hoặc áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.
3. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường tỉnh lộ hoặc quốc lộ.

*Giải thích: Xe mô tô 2 bánh không được đi vào phần đường cho người đi bộ.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **61: Người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, xe** **gắn** **máy** **có** **được** **đi** **xe** **dàn** **hàng** **ngang; xe** **đi** **vào** **phần** **đường** **dành** **cho** **người** **đi** **bộ** **và** **phương** **tiện** **khác; sử** **dụng ô, điện** **thoại di động, thiết** **bị** **âm** **thanh (trừ** **thiết** **bị** **trợ** **thính) hay không?**

1. Được phép nhưng phải đảm bảo an toàn.
2. Không được phép.
3. Được phép tùy từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể.

**Câu** **hỏi** **62: Người** **lái** **xe** **phải** **giảm** **tốc** **độ** **thấp** **hơn** **tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép (có** **thể** **dừng** **lại** **một** **cách an toàn) trong** **trường** **hợp** **nào** **dưới** **đây?**

1. Khi có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường; khi chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế; khi qua nơi đường giao nhau, nơi đường bộ giao nhau với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc.
2. Khi qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc, khi qua trường học, khu đông dân cư, khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.
3. Khi điều khiển xe vượt xe khác trên đường quốc lộ, đường cao tốc.
4. Cả ý 1 và ý 2.

**Câu** **hỏi** **63: Tại** **ngã** **ba** **hoặc** **ngã** **tư** **không** **có** **đảo an toàn, người** **lái** **xe** **phải** **nhường** **đường** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây?**

1. Nhường đường cho người đi bộ đang đi trên phần đường dành cho người đi bộ sang đường; nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới; nhường đường cho xe ưu tiên, xe đi từ bên phải đến.
2. Nhường đường cho người đi bộ đang đứng chờ đi qua phần đường dành cho người đi bộ sang đường; nhường đường cho xe đi trên đường ngược chiều, đường nhánh từ bất kỳ hướng nào tới; nhường đường cho xe đi từ bên trái đến.
3. Không phải nhường đường.

*Giải thích: Người lái xe phải nhường đường cho xe ưu tiên.*

**Câu** **hỏi** **64: Khi** **điều** **khiển** **xe** **cơ** **giới, người** **lái** **xe** **phải** **bật** **đèn** **tín** **hiệu** **báo** **rẽ** **trong** **trường** **hợp** **nào** **sau** **đây?**

1. Khi cho xe chạy thẳng.
2. Trước khi thay đổi làn đường.
3. Sau khi thay đổi làn đường.

*Giải thích: Phải bật đèn tín hiệu rẽ trước khi thay đổi làn đường.*

**Câu** **hỏi** **65: Trên** **đoạn** **đường** **hai** **chiều** **không** **có** **giải** **phân** **cách** **giữa, người** **lái** **xe** **không** **được** **vượt** **xe** **khác** **trong** **các** **trường** **hợp** **nào** **dưới** **đây?**

1. Xe bị vượt bất ngờ tăng tốc độ và cố tình không nhường đường.
2. Xe bị vượt giảm tốc độ và nhường đường.
3. Phát hiện có xe đi ngược chiều.
4. Cả ý 1 và ý 3.

*Giải thích: Không được vượt khi xe bị vượt bất ngờ tăng tốc hoặc phát hiện có xe đi ngược chiều.*

**Câu** **hỏi** **66: Người** **lái** **xe** **mô** **tô** **xử** **lý** **như** **thế** **nào** **khi** **cho** **xe** **mô** **tô** **phía** **sau** **vượt?**

1. Nếu đủ điều kiện an toàn, người lái xe phải giảm tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.
2. Lái xe vào lề đường bên trái và giảm tốc độ để xe phía sau vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.
3. Nếu đủ điều kiện an toàn, người lái xe phải tăng tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường chạy cho đến khi xe sau vượt qua.

*Giải thích: Xử lý cho xe sau vượt thì giảm tốc độ và đi về bên phải.*

**Câu** **hỏi** **67: Trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây, để** **bảo** **đảm an toàn** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông, người** **lái** **xe** **mô** **tô** **cần** **thực** **hiện** **như** **thế** **nào?**

1. Phải đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn, có cài quai đúng quy cách, mặc quần áo gọn gàng; không sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính).
2. Phải đội mũ bảo hiểm khi trời mưa gió hoặc trời quá nắng; có thể sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh nhưng phải đảm bảo an toàn.
3. Phải đội mũ bảo hiểm khi cảm thấy mất an toàn giao thông hoặc khi chuẩn bị di chuyển quãng đường xa.

**Câu** **hỏi** **68: Đường** **bộ** **trong** **khu** **vực** **đông** **dân** **cư** **gồm** **những** **đoạn** **đường** **nào** **dưới** **đây?**

1. Là đoạn đường nằm trong khu công nghiệp có đông người và phương tiện tham gia giao thông và được xác định cụ thể bằng biển chỉ dẫn địa giới.
2. Là đoạn đường bộ nằm trong khu vực nội thành phố, nội thị xã, nội thị trấn và những đoạn đường có đông dân cư sinh sống sát dọc theo đường, có các hoạt động ảnh hưởng đến an toàn giao thông; được xác định bằng biển báo hiệu là đường khu đông dân cư.
3. Là đoạn đường nằm ngoài khu vực nội thành phố, nội thị xã có đông người và phương tiện tham gia giao thông và được xác định cụ thể bằng biển chỉ dẫn địa giới.

*Giải thích: Đường bộ trong khu vực đông dân cư được xác định bằng biển báo.*

**Câu** **hỏi** **69: Tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép** **đối** **với** **xe** **máy** **chuyên** **dùng, xe** **gắn** **máy (kể** **cả** **xe** **máy** **điện) và** **các** **loại** **xe** **tương** **tự** **trên** **đường** **bộ (trừ** **đường** **cao** **tốc) không** **được** **vượt** **quá** **bao** **nhiêu km/h?**

1. 50 km/h.
2. 40 km/h.
3. 60 km/h.

*Giải thích: Xe gắn máy tối đa 40km/h.*

**Câu** **hỏi** **70: Trên** **đường** **bộ (trừ** **đường** **cao** **tốc) trong** **khu** **vực** **đông** **dân** **cư, đường** **đôi** **có** **dải** **phân** **cách** **giữa, xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, ô tô** **chở** **người** **đến 30 chỗ** **tham** **gia** **giao** **thông** **với** **tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép** **là** **bao** **nhiêu?**

1. 60 km/h.
2. 50 km/h.
3. 40 km/h.

*Giải thích: Có giải phân cách giữa thì được xem là đường đôi. Trong khu vực đông dân cư, đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên: 60km/h.*

**Câu** **hỏi** **71: Trên** **đường** **bộ (trừ** **đường** **cao** **tốc) trong** **khu** **vực** **đông** **dân** **cư, đường** **hai** **chiều** **không** **có** **dải** **phân** **cách** **giữa, xe** **mô** **tô** **hai** **bánh, ô tô** **chở** **người** **đến 30 chỗ** **tham** **gia** **giao** **thông** **với** **tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép** **là** **bao** **nhiêu?**

1. 60 km/h.
2. 50 km/h.
3. 40 km/h.

*Giải thích: Trong khu vực đông dân cư, đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới: 50km/h.*

**Câu** **hỏi** **72: Trên** **đường** **bộ (trừ** **đường** **cao** **tốc) trong** **khu** **vực** **đông** **dân** **cư, đường** **hai** **chiều** **hoặc** **đường** **một** **chiều** **có** **một** **làn** **xe** **cơ** **giới, loại** **xe** **nào** **dưới** **đây** **được** **tham** **gia** **giao** **thông** **với** **tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép** **là 50 km/h?**

1. Ô tô con, ô tô tải, ô tô chỏ người trên 30 chỗ.
2. Xe gắn máy, xe máy chuyên dùng.
3. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Xe cơ giới không bao gồm xe gắn máy. Trong khu vực đông dân cư, đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới: 50km/h.*

**Câu** **hỏi** **73: Khi** **điều** **khiển** **xe** **chạy** **với** **tốc** **độ** **dưới 60 km/h, để** **đảm** **bảo** **khoảng** **cách an toàn** **giữa** **hai** **xe, người** **lái** **xe** **phải** **điều** **khiển** **xe** **như** **thế** **nào?**

1. Chủ động giữ khoảng cách an toàn phù hợp với xe chạy liền trước xe của mình.
2. Đảm bảo khoảng cách an toàn theo mật độ phương tiện, tình hình giao thông thực tế.
3. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Khoảng cách an toàn dưới 60km/h: Chủ động và đảm bảo khoảng cách.*

**Câu** **hỏi** **74: Người** **lái** **xe** **phải** **giảm** **tốc** **độ** **thấp** **hơn** **tốc** **độ** **tối** **đa** **cho** **phép** **đến** **mức** **cần** **thiết, chú ý quan** **sát** **và** **chuẩn** **bị** **sẵn** **sàng** **những** **tình** **huống** **có** **thể** **xảy** **ra** **để** **phòng** **ngừa tai nạn** **trong** **các** **trường** **hợp** **nào** **dưới** **đây?**

1. Gặp biển báo nguy hiểm trên đường.
2. Gặp biển chỉ dẫn trên đường.
3. Gặp biển báo hết mọi lệnh cấm.
4. Gặp biển báo hết hạn chế tốc độ tối đa cho phép.

*Giải thích: Giảm tốc độ, chú ý quan sát khi gặp biển báo nguy hiểm.*

**Câu** **hỏi** **75: Các** **phương** **tiện** **tham** **gia** **giao** **thông** **đường** **bộ (kể** **cả** **những** **xe** **có** **quyền** **ưu** **tiên) đều** **phải** **dừng** **lại** **bên** **phải** **đường** **của** **mình** **và** **trước** **vạch “dừng** **xe” tại** **các** **điểm** **giao** **cắt** **giữa** **đường** **bộ** **và** **đường** **sắt** **khi** **có** **báo** **hiệu** **dừng** **nào** **dưới** **đây?**

1. Hiệu lệnh của nhân viên gác chắn.
2. Đèn đỏ sáng nháy, cờ đỏ, biển đỏ.
3. Còi, chuông kêu, chắn đã đóng.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu** **hỏi** **76: Tác** **dụng** **của** **mũ** **bảo** **hiểm** **đối** **với** **người** **ngồi** **trên** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh** **trong** **trường** **hợp** **xảy** **ra tai nạn** **giao** **thông** **là** **gì?**

1. Để làm đẹp.
2. Để tránh mưa nắng.
3. Để giảm thiểu chấn thương vùng đầu.
4. Để các loại phương tiện khác dễ quan sát.

**Câu** **hỏi** **77: Tại** **nơi** **đường** **giao** **nhau, người** **lái** **xe** **đang** **đi** **trên** **đường** **không** **ưu** **tiên** **phải** **xử** **lý** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Tăng tốc độ qua đường giao nhau để đi trước xe đi trên đường ưu tiên.
2. Giảm tốc độ qua đường giao nhau để đi trước xe đi trên đường ưu tiên.
3. Nhường đường cho xe đi trên ưu tiên từ bất kỳ hướng nào tới.

*Giải thích: Đứng cách ray đường sắt 5m.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **78: Người** **lái** **xe** **phải** **xử** **lý** **như** **thế** **nào** **khi** **quan** **sát** **phía** **trước** **thấy** **người** **đi** **bộ** **đang sang đường** **tại** **nơi** **có** **vạch** **đường** **dành** **cho** **người** **đi** **bộ** **để** **đảm** **bảo an toàn?**

1. Giảm tốc độ, đi từ từ để vượt qua trước người đi bộ.
2. Giảm tốc độ, có thể dừng lại nếu cần thiết trước vạch dừng xe để nhường đường cho người đi bộ qua đường.
3. Tăng tốc độ để vượt qua trước người đi bộ.

*Giải thích: Nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ thì nhường đường.*

**Câu** **hỏi** **79: Theo Luật** **Giao** **thông** **đường** **bộ, tín** **hiệu** **đèn** **giao** **thông** **gồm 3 màu** **nào** **dưới** **đây?**

1. Đỏ – Vàng – Xanh.
2. Cam – Vàng – Xanh.
3. Vàng – Xanh dương – Xanh lá.
4. Đỏ – Cam – Xanh.

**Câu** **hỏi** **80: Tại** **nơi** **đường** **giao** **nhau, khi** **đèn** **điều** **khiển** **giao** **thông** **có** **tín** **hiệu** **màu** **vàng, người** **điều** **khiển** **giao** **thông** **phải** **chấp** **hành** **như** **thế** **nào** **là** **đúng** **quy** **tắc** **giao** **thông?**

1. Phải cho xe dừng lại trước vạch dừng, trường hợp đã đi quá vạch dừng hoặc đã quá gần vạch dừng nếu dừng lại thấy nguy hiểm thì được đi tiếp.
2. Trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát nhường đường cho người đi bộ qua đường.
3. Nhanh chóng tăng tốc độ, vượt qua nút giao và chú ý đảm bảo an toàn.
4. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Đèn vàng dừng lại trước vạch dừng hoặc nhấp nháy thì đi chậm.*

**Câu** **hỏi** **81: Để** **báo** **hiệu** **cho** **xe** **phía** **trước** **biết** **xe** **mô** **tô** **của** **bạn** **muốn** **vượt, bạn** **phải** **có** **tín** **hiệu** **như** **thế** **nào** **dưới** **đây?**

1. Ra tín hiệu bằng tay rồi cho xe vượt qua.
2. Tăng ga mạnh để gây sự chú ý rồi cho xe vượt qua.
3. Bạn phải có tín hiệu bằng đèn hoặc còi.

*Giải thích: Muốn vượt xe thì phải báo hiệu bằng đèn hoặc còi.*

**Câu** **hỏi** **82: Người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **phải** **giảm** **tốc** **độ** **và** **hết** **sức** **thận** **trọng** **khi qua những** **đoạn** **đường** **nào** **dưới** **đây?**

1. Đường ướt, đường có sỏi cát trên nền đường.
2. Đường hẹp có nhiều điểm giao cắt từ hai phía.
3. Đường đèo dốc, vòng liên tục.
4. Tất cả các ý nêu trên.

*Giải thích: Giảm tốc độ trên đường ướt, đường hẹp và đèo dốc.*

**Câu** **hỏi** **83: Khi** **gặp** **xe** **buýt** **đang** **dừng** **đón, trả** **khách, người** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **phải** **xử** **lý** **như** **thế** **nào** **dưới** **đây** **để** **đảm** **bảo an toàn** **giao** **thông?**

1. Tăng tốc độ để nhanh chóng vượt qua bến đỗ.
2. Giảm tốc độ đến mức an toàn có thể và quan sát người qua đường và từ từ vượt qua xe buýt.
3. Yêu cầu phải dừng lại phía sau xe buýt chờ xe rời bến mới đi tiếp.

*Giải thích: Xe buýt đang dừng đón trả khách thì giảm tốc độ và từ từ vượt qua xe buýt.*

**Câu** **hỏi** **84: Khái** **niệm** **về** **văn** **hóa** **giao** **thông** **được** **hiểu** **như** **thế** **nào** **là** **đúng?**

1. Là sự hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông; là ý thức trách nhiệm với cộng đồng khi tham gia giao thông.
2. Là ứng xử có văn hóa, có tình yêu thương con người trong các tình huống không may xảy ra khi tham gia giao thông.
3. Cả ý 1 và ý 2.

**Câu** **hỏi** **85: Trong** **các** **hành vi dưới** **đây, người** **lái** **xe** **mô** **tô** **có** **văn** **hóa** **giao** **thông** **phải** **ứng** **xử** **như** **thế** **nào?**

1. Điều khiển xe đi bên phải theo chiều đi của mình; đi đúng phần đường, làn đường quy định; đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn, cài quai đúng quy định.
2. Điều khiển xe đi trên phần đường, làn đường có ít phương tiện tham gia giao thông.
3. Điều khiển xe và đội mũ bảo hiểm ở nơi có biển báo bắt buộc đội mũ bảo hiểm.

**Câu** **hỏi** **86: Trong** **các** **hành vi dưới** **đây, người** **lái** **xe ô tô, mô** **tô** **có** **văn** **hóa** **giao** **thông** **phải** **ứng** **xử** **như** **thế** **nào?**

1. Điều khiển xe đi bên phải theo chiều đi của mình; đi đúng phần đường, làn đường quy định; dừng, đỗ xe đúng nơi quy định; đã uống rượu, bia thì không lái xe.
2. Điều khiển xe đi trên phần đường, làn đường có ít phương tiện giao thông; dừng xe, đỗ xe ở nơi thuận tiện hoặc theo yêu cầu của hành khách, của người thân.
3. Dừng và đỗ xe ở nơi thuận tiện cho việc chuyên chở hành khách và giao nhận hàng hóa; sử dụng ít rượu, bia thì có thể lái xe.

**Câu** **hỏi** **87: Khi** **xảy** **ra tai nạn** **giao** **thông, có** **người** **bị** **thương** **nghiêm** **trọng, người** **lái** **xe** **và** **người** **có** **mặt** **tại** **hiện** **trường** **vụ tai nạn** **phải** **thực** **hiện** **các** **công** **việc** **gì** **dưới** **đây?**

1. Thực hiện sơ cứu ban đầu trong trường hợp khẩn cấp; thông báo vụ tai nạn đến cơ quan thi hành pháp luật.
2. Nhanh chóng lái xe gây tai nạn hoặc đi nhờ xe khác ra khỏi hiện tượng vụ tai nạn.
3. Cả ý 1 và ý 2.

**Câu** **hỏi** **88: Trên** **đường** **đang** **xảy** **ra** **ùn** **tắc** **có** **những** **hành vi nào** **sau** **đây** **là** **thiếu** **văn** **hóa** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông?**

1. Bấm còi liên tục thúc giục các phương tiện phía trước nhường đường.
2. Đi lên vỉa hè, tận dùng mọi khoảng trống để nhanh chóng thoát khỏi nơi ùn tắc.
3. Lấn sàng trái đường cố gắng vượt lên xe khác.
4. Tất cả các ý nêu trên.

**Câu** **hỏi** **liệt** **89: Khi** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **tay** **ga** **chạy** **xuống** **đường** **dốc** **dài, độ** **dốc** **cao, người** **lái** **xe** **cần** **thực** **hiện** **những** **thao** **tác** **nào** **dưới** **đây** **để** **đảm** **bảo an toàn?**

1. Giữ tay ga ở mức độ phù hợp, sử dụng phanh trước và phanh sau để giảm tốc độ.
2. Nhả hết tay ga, tắt động cơ, sử dụng phanh trước và phanh sau để giảm tốc độ.
3. Sử dụng phanh trước để giảm tốc độ kết hợp tắt chìa khóa điện của xe.

*Giải thích: Xe mô tô xuống dốc dài cần sử dụng cả phanh trước và phanh sau để giảm tốc độ.*

**Câu** **hỏi** **90: Khi quay đầu** **xe, người** **lái** **xe** **cần** **phải** **quan** **sát** **và** **thực** **hiện** **các** **thao** **tác** **nào** **để** **đảm** **bảo an toàn** **giao** **thông?**

1. Quan sát biển báo hiệu để biết nơi được phép quay đầu; quan sát kỹ địa hình nơi chọn để quay đầu; lựa chọn quỹ đạo quay đầu xe cho thích hợp; quay đầu xe với tốc độ thấp; thường xuyên báo tín hiệu để người, các phương tiện xung quanh được biết; nếu quay đầu xe ở nơi nguy hiểm thì đưa đầu xe về phía nguy hiểm đưa đuôi xe về phía an toàn.
2. Quan sát biển báo hiệu để biết nơi được phép quay đầu; quan sát kỹ địa hình nơi chọn để quay đầu; lựa chọn quỹ đạo quay đầu xe; quay đầu xe với tốc độ tối đa; thường xuyên báo tín hiệu để người, các phương tiện xung quanh được biết; nếu quay đầu xe ở nơi nguy hiểm thì đưa đuôi xe về phía nguy hiểm và đầu xe về phía an toàn.

*Giải thích: Thực hiện quay đầu xe với tốc độ thấp.*

**Câu** **hỏi** **91: Khi** **tránh** **nhau** **trên** **đường** **hẹp, người** **lái** **xe** **cần** **phải** **chú ý những** **điểm** **nào** **để** **đảm** **bảo an toàn** **giao** **thông?**

1. Không nên đi cố vào đường hẹp; xe đi ở phía sườn núi nên dừng lại trước để nhường đường; khi dừng xe nhường đường phải đỗ ngay ngắn.
2. Trong khi tránh nhau không nơi đổi số; khi tránh nhau ban đêm, phải tắt đèn pha bật đèn cốt.
3. Khi tránh nhau ban đêm, phải thường xuyên bật đèn pha tắt đèn cốt.
4. Cả ý 1 và ý 2.

*Giải thích: Cả ý 1 và 2 đều đúng. Ý 3 tránh nhau ban đêm bật đèn pha là sai.*

**Câu** **hỏi** **92: Khi** **điều** **khiển** **xe** **trên** **đường** **vòng** **người** **lái** **xe** **cần** **phải** **làm** **gì** **để** **đảm** **bảo an toàn?**

1. Quan sát cẩn thận các chướng ngại vật và báo hiệu bằng còi, đèn; giảm tốc độ tới mức cần thiết, về số thấp và thực hiện quay vòng với tốc độ phù hợp với bán kính cong của đường vòng.
2. Quan sát cẩn thận các chướng ngại vật và báo hiệu bằng còi, đèn; tăng tốc để nhanh chóng qua đường vòng và giảm tốc độ sau khi qua đường vòng.

*Giải thích: Điều khiển xe trên đường vòng cần giảm tốc độ.*

**Câu** **hỏi** **93: Để** **đạt** **được** **hiệu** **quả** **phanh** **cao** **nhất, người** **lái** **xe** **mô** **tô** **phải** **sử** **dụng** **các** **kỹ** **năng** **như** **thế** **nào** **dưới** **đây?**

1. Sử dụng phanh trước.
2. Sử dụng phanh sau.
3. Giảm hết ga; sử dụng đồng thời cả phanh sau và phanh trước.

*Giải thích: Khi phanh xe mô tô thì giảm hết ga.*

**Câu** **hỏi** **liệt** **94: Khi** **đang** **lái** **xe** **mô** **tô** **và ô tô, nếu** **có** **nhu** **cầu** **sử** **dụng** **điện** **thoại** **để** **nhắn tin hoặc** **gọi** **điện, người** **lái** **xe** **phải** **thực** **hiện** **như** **thế** **nào** **trong** **các** **tình** **huống** **nêu** **dưới** **đây?**

1. Giảm tốc độ để đảm bảo an toàn với xe phía trước và sử dụng điện thoại để liên lạc.
2. Giảm tốc độ để dừng xe ở nơi cho phép dừng xe sau đó sử dụng điện thoại để liên lạc.
3. Tăng tốc độ để cách xa xe phía sau và sử dụng điện thoại để liên lạc.

*GIải thích: Khi cần nghe điện thoại thì giảm tốc độ và dừng xe ở nơi cho phép dừng xe.*

**Câu** **hỏi** **95: Những** **thói** **quen** **nào** **dưới** **đây** **khi** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô** **tay** **ga** **tham** **gia** **giao** **thông** **dễ** **gây tai nạn** **nguy** **hiểm?**

1. Sử dụng còi.
2. Phanh đồng thời cả phanh trước và phanh sau.
3. Chỉ sử dụng phanh trước.

*Giải thích: Xe mô tô tay ga chỉ sử dụng phanh trước thì rất nguy hiểm.*

**Câu** **hỏi** **96: Khi** **điều** **khiển** **xe** **mô** **tô quay đầu** **người** **lái** **xe** **cần** **thực** **hiện** **như** **thế** **nào** **để** **đảm** **bảo an toàn?**

1. Bật tín hiệu báo rẽ trước khi quay đầu, từ từ giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại.
2. Chỉ quay đầu xe ở những nơi được phép quay đầu.
3. Quan sát an toàn các phương tiện tới từ phía trước, phía sau, hai bên đồng thời nhường đường cho xe từ bên phải và phía trước đi tới.
4. Tất cả các ý nêu trên.

**Câu** **hỏi** **97: Tay** **ga** **trên** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh** **có** **tác** **dụng** **gì** **trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây?**

1. Để điều khiển xe chạy về phía trước.
2. Để điều tiết công suất động cơ qua đó điều khiển tốc độ của xe.
3. Để điều khiển xe chạy lùi.
4. Cả ý 1 và ý 2.

**Câu** **hỏi** **98: Gương** **chiếu** **hậu** **của** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh** **có** **tác** **dụng** **gì** **trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây?**

1. Để quan sát an toàn phía bên trái khi chuẩn bị rẽ trái.
2. Để quan sát an toàn phía bên phải khi chuẩn bị rẽ phải.
3. Để quan sát an toàn phía sau cả bên trái và bên phải trước khi chuyển hướng.
4. Để quan sát an toàn phía trước cả bên trái và bên phải trước khi chuyển hướng.

**Câu** **hỏi** **99: Để** **đảm** **bảo an toàn** **khi** **tham** **gia** **giao** **thông, người** **lái** **xe** **mô** **tô** **hai** **bánh** **cần** **điều** **khiển** **tay** **ga** **như** **thế** **nào** **trong** **các** **trường** **hợp** **dưới** **đây?**

1. Tăng ga thật nhanh, giảm ga từ từ.
2. Tăng ga thật nhanh, giảm ga thật nhanh.
3. Tăng ga từ từ, giảm ga thật nhanh.
4. Tăng ga từ từ, giảm ga từ từ.